TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST.
Ngày: 24/7/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trọng Hàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông A Quyết.

2. Ông Trần Phước Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang – Kiểm sát viên VKS Nhân dân huyện X

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng T D, sinh năm 1960.
Địa chỉ: 152 Hùng Vương, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Đặng Thị K V, sinh năm 1984.
Địa chỉ: thôn 5, xã Hà Mòn, huyện X, tỉnh Y. Có mặt
- Bị đơn: Ông Vũ B B và bà Nguyễn T H.
Địa chỉ: TDP 3, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 của bà Đặng T D, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị K V trình bày:

Từ ngày 13/12/2017 đến ngày 29/9/2018, ông ông Vũ B B và bà Nguyễn T H có mua nợ phân bón và vật liệu xây dựng của bà Đặng T D cụ thể các lần: ngày 13/12/2017 mua nợ số tiền 28.865.000 đồng *(Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi*

lăm ngàn đồng), ngày 02/02/2018 mua nợ số tiền 8.960.000 đồng *(Tám triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng),* ngày 12/4/2018 mua nợ số tiền 670.000 đồng *(Sáu trăm bảy mươi ngàn đồng),* Ngày 30/7/2018 mua nợ số tiền 8.325.000 đồng *(Tám triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* và ngày 29/9/2018 mua nợ số tiền 800.000 đồng *(Tám trăm ngàn đồng)*, tổng cộng số tiền gốc là 47.620.000 đồng *(Bốn mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)*. Số tiền lãi với mức lãi suất 0.8%/tháng tính từ ngày nợ đến ngày 24/7/2020 tổng cộng là: 11.415.000 đồng *(Mười một triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng)*. Mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông B và bà H vẫn không thanh toán số nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị K V yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ B B và bà Nguyễn T H trả nguyên đơn tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/7/2020 là 59.035.000 đồng *(Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng)* và yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 0.8%/ tháng đến khi trả hết nợ.

- *Về phía bị đơn*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh hộ khẩu thường trú của ông Vũ B B và bà Nguyễn T H. Tuy nhiên, ông Vũ B B và bà Nguyễn T H đã bỏ đi khỏi địa phương không báo cáo với chính quyền địa phương, đi đâu làm gì không rõ nên không thể làm việc trực tiếp với ông B và bà H được, không thể tống đạt được các thủ tục tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn ông Vũ B B và bà Nguyễn T H vẫn vắng mặt không có lý do, nên đã gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Toà án đã làm các thủ tục niêm yết tống đạt hợp lệ để xét xử vắng mặt đối với ông Vũ B B và bà Nguyễn T H. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Vũ B B và bà Nguyễn T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông B và bà H vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y bà Bùi Thị Giang phát biểu ý kiến như sau:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa: Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; 71;72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Vũ B B và bà Nguyễn T H mặc dù tòa án đã

tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc đương sự không chấp hành pháp luật. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y đề nghị HĐXX tuyên buộc ông Vũ B B và bà Nguyễn T H phải trả cho bà Đặng T D số tiền 59.035.000 đồng *(Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng)* và tiếp tục tính lãi với lãi suất 0.8%/ tháng đến khi trả xong số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng luật:

Xét thấy việc bà Đặng T D khởi kiện yêu cầu ông ông Vũ B B và bà Nguyễn T H trả nợ tiền mua phân bón và vật liệu xây dựng được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Vũ B B và bà Nguyễn T H cư trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện X, tỉnh Y. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng T D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Giữa bà Đặng T D và ông Vũ B B và bà Nguyễn T H có quan hệ làm ăn, mua bán phân bón và vật liệu xây dựng nợ với nhau. Ông Vũ B B và bà Nguyễn T H mua nợ phân bón và vật liệu xây dựng của bà Đặng T D số tiền là 47.620.000 đồng *(Bốn mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)* thể hiện qua bảng ghi chép công nợ đề từ ngày 13/12/2017 đến ngày 29/9/2018. Xét thấy hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, ông Vũ B B và bà Nguyễn T H từ khi nợ vẫn chưa trả tiền cho bà Đặng T D lần nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng T D là có cơ sở pháp lý vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu về việc trả lãi chậm trả 0.8%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật vì vậy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 28.865.000 đồng, tính từ ngày chậm trả **13/12/2017** đến ngày **24/7/2020** là: 7.351.000 đồng (28.865.000 đồng x 0.8%/tháng x 955 ngày)

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 8.960.000 đồng, tính từ ngày chậm trả **02/02/2018** đến ngày **24/7/2020** là: 2.160.000 đồng (8.960.000 đồng x 0.8%/tháng x 904 ngày)

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 670.000 đồng, tính từ ngày chậm trả **12/4/2018** đến ngày **24/7/2020** là: 150.000 đồng (670.000 đồng x 0.8%/tháng x 835 ngày)

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 8.325.000 đồng, tính từ ngày chậm trả **30/7/2018** đến ngày **24/7/2020** là: 1.612.000 đồng (8.325.000 đồng x 0.8%/tháng x 726 ngày)

- Số tiền lãi trên số nợ gốc 800.000 đồng, tính từ ngày chậm trả **29/9/2018** đến ngày **24/7/2020** là: 142.000 đồng (800.000 đồng x 0.8%/tháng x 665 ngày)

Như vậy, tổng số tiền mà ông Vũ B B và bà Nguyễn T H phải trả cho bà Đặng T D là 59.035.000 đồng *(Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn)*, trong đó tiền gốc 47.620.000 đồng và tiền lãi 11.415.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng T D được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ B B và bà Nguyễn T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng T D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 280; Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng T D đề ngày 02/3/2020.

Buộc ông Vũ B B và bà Nguyễn T H phải trả cho bà Đặng T D số tiền 59.035.000 đồng *(Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng)*. Trong đó số tiền gốc là 47.620.000 đồng *(Bốn mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)* và tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (24/7/2020) là 11.415.000 đồng *(Mười một triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng chẵn)*

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, 18, 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Vũ B B và bà Nguyễn T H phải chịu 2.951.750 đồng *(Hai triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng T D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Đặng T D 1.431.000 đồng *(Một triệu bốn trăm ba mươi mốt ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000752 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2020), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THA H. X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA